

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2015

Kính thưa quý cổ đông!

- Căn cứ quy định pháp Luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 do Công ty lập và Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. thực hiện;
- Căn cứ số liệu chi tiết và chứng từ do Ban giám đốc Công ty cung cấp,
- Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2015 như sau:

I. KIỂM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY:

Công Ty đã thay đổi địa chỉ trụ sở mới tại Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.

Tổng số nhân viên của Công Ty tính đến ngày 31/12/2015: 24 người

1. Tình hình thực hiện chỉ tiêu theo Nghị Quyết ĐHCĐ ngày 19 tháng 03 năm 2015

(Đơn Vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	38,71	33,81	87,34%
Lợi Nhuận	12,41	10,55	85,01%

- Chỉ tiêu doanh thu đạt được 87.34% so với kế hoạch năm
- Chỉ tiêu lợi nhuận đạt được 85.01% so với kế hoạch năm.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2015: (dvt: VNĐ)

2.1 Bảng cân đối tóm tắt tại thời điểm 31/12/2015 (đã được kiểm toán).

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Ending Balance Số cuối kỳ	Beginning Balance Số đầu kỳ
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	315,420,395,854	229,999,306,926
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	96,451,442,050	61,067,768,728
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	47,767,830,831	85,589,189,791
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	170,916,449,191	81,476,105,466
IV. Hàng tồn kho	140	0	1,516,352,760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	284,673,782	349,890,181
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	46,064,750,195	109,660,302,348
I. Tài sản cố định	220	3,762,714,313	6,465,928,846
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	38,100,000,000	101,500,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260	4,202,035,882	1,694,373,502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	361,485,146,049	339,659,609,274

NGUỒN VỐN			
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	23,948,805,646	12,678,053,422
I. Nợ ngắn hạn	310	23,948,805,646	12,678,053,422
II. Nợ dài hạn	330		-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	337,536,340,403	326,981,555,852
I - Vốn chủ sở hữu	410	337,536,340,403	326,981,555,852
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	360,000,000,000	360,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(22,463,659,597)	(33,018,444,148)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	361,485,146,049	339,659,609,274

Tiền, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ dài hạn : 183,570,287,643đ

Bao gồm:

- Tiền mặt : 12,078,933đ
- Tiền gửi không kỳ hạn : 17,089,363,117đ

Trong tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn: **17,089,363,117đ** có **16,051,580,959đ** là tiền của nhà đầu tư gửi tại tài khoản Ngân hàng của Công Ty.

- Tiền gửi kỳ hạn: 139,45 tỷ

KỲ HẠN	DƯỚI 3 THÁNG	TRÊN 3 THÁNG DƯỚI 1 NĂM	TRÊN 1 NĂM (Đầu tư tài chính dài hạn)
Số tiền (tỷ đồng)	79,35	22,00	38,10

- Đầu tư mua bán chứng khoán : 27,018,845,593đ

2.2 Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 so năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	13,17	18,14
+ Hệ số thanh toán nhanh:	13,17	18,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	6,63%	3,73%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,10%	3,88%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31%	21%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3%	2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3%	2%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	32%	21%

CHỈ TIÊU ITEM	ĐƠN VỊ UNIT	2015	2014
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13%	32%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87%	68%
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7%	4%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	93%	96%

- Các hệ số sinh lời như ROE, ROTC đều được cải thiện tăng 1% trong năm 2015 so với năm 2014
- Cơ cấu tài sản dài hạn năm 2015 giảm 19% so với năm 2014 nguyên nhân giảm khoản tiền gửi dài hạn từ 101,5 tỷ đồng xuống 38,1 tỷ đồng

2.3 Tình hình thực hiện doanh thu 2015 và so sánh với năm 2014:

CHỈ TIÊU	2015	2014	SO SÁNH	
1	2	3	4= 3-2	5= 2/3
Doanh thu	33.819.252.760	27.962.618.586	5.856.634.174	121%
Trong đó:			-	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.984.763.297	2.209.144.605	775.618.692	135%
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	2.713.329.659	2.834.345.307	(121.015.648)	96%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	121.824.216	54.465.759	67.358.457	224%
- Doanh thu khác:	27.999.335.588	22.864.662.915	5.134.672.673	122%
Trong đó:				

- Doanh thu lãi tiền gửi	11.249.507.562	19.057.426.887	(7.807.919.325)	59%
- Doanh thu từ cho Vay, ký quỹ	12.985.706.121	3.717.828.195	9.267.877.926	349%
- Thu nhập khác: gồm	3.764.121.905	89.407.833	3.674.714.072	4,210%
+ Doanh thu từ Credit Line	456.676	6.981.632	(6.524.956)	7%
+ Doanh thu từ Ứng trước tiền Bán CK	243.214.863	82.426.201	160.788.662	295%
+ Doanh thu từ Cổ tức HD Tự doanh	419.403.700		419.403.700	
+ Doanh thu từ HĐTC & Đầu tư TC	3.101.046.666		3.101.046.666	

- Doanh thu từ tiền gửi Ngân hàng chiếm 33,26% trong tổng doanh thu. Thể hiện ở khoản tiền gửi ngắn hạn và có kỳ hạn 3 tháng, mức lãi suất trung bình là 4,86%
- Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ chiếm tỷ trọng 38,39%
- Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính chiếm tỷ trọng 9,17% trong tổng doanh thu bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng lãi suất 6,30% và tín dụng cho vay 24 tháng lãi suất là 13,00%/ năm.

Tính đến ngày 31/12/2015: tiền gửi kỳ hạn từ 1 năm trở lên là : 38,10 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng : 27,32% trên tổng số tiền gửi có kỳ hạn.

2.4 Tình hình sử dụng chi phí năm 2015 và so sánh năm 2014 như sau:

CHỈ TIÊU	2015	2014	SO SÁNH (+/-)
1	2	3	4 = 2-3
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	11,142,432,006	10,844,979,990	2.74%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,922,240,182	11,253,408,312	5.94%

Trong đó chi phí hoạt động kinh doanh tăng chủ yếu do hoạt động kinh doanh môi giới, hoạt động tự doanh và trích lập dự phòng cho hoạt động tự doanh : 1,251,014,762đ

Năm 2015, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế

3. Tình hình thực hiện chi trả cổ tức :

Tuy hoạt động kinh doanh năm 2015 lãi: 10.554.784.551đồng, nhưng lũy kế tính đến 31/12/2015 Công ty còn lỗ 22.463.659.597đồng nên công ty không có nguồn để chi trả cổ tức.

4. Tình hình hoạt động cho vay ký quỹ:

Tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% và tỷ lệ ký quỹ duy trì không thấp hơn 30% phù hợp với quyết định số 09/QĐ-UBCK ngày 8/1/2013 về việc sửa đổi quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước

II. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO NĂM 2015:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015. Theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Ban kiểm soát ghi nhận Báo cáo tài chính năm do Công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2015 và kết quả hoạt động SXKD cho kỳ báo cáo; phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế

độ Kế toán Việt Nam.

Các báo cáo theo yêu cầu các cơ quan chức năng (SSC, HOSE, HNX) đã được tuân thủ và nộp báo cáo đúng hạn

III. TÌNH HÌNH VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2015 THEO GIẤY PHÉP KINH DOANH VÀ SỔ THEO DÕI CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

STT	Danh sách	Vốn góp tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ %
1	Seamico Securities PLC	67,965,000,000	18.88%
2	Công ty CP Dệt May – ĐT – TM Thành Công	89,117,000,000	24.75%
3	Công ty TNHH Ngọc Phong	10,000,000,000	2.78%
4	Đoàn Quang Sang	2,000,000,000	0.56%
5	Chung Văn Đạt	5,050,000,000	1.40%
6	Công Ty TNHH 4 Oranges	49,530,000,000	13.76%
7	Công Ty TNHH E-Land Việt Nam	20,740,000,000	5.76%
8	Các Cổ đông khác	115,598,000,000	32.11%
	Tổng cộng	360,000,000,000	100%

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Định kỳ hàng tháng Công Ty gửi Báo cáo tài chính cho Ban kiểm soát kiểm tra.
- Định kỳ 6 tháng Ban kiểm soát đến kiểm tra trực tiếp làm việc.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Minh Hảo